Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIỆT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DÂN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

Cơ bản

mən tôi	sən bạn	o kişi anh ấy
o qadın cô ấy	o heyvan nó	biz chúng tôi / chúng ta
siz các bạn	onlar họ	nə cái gì
kim ai	hara ở đâu	niyə tại sao

necə

---

làm sao

hansı

---

cái nào

nə vaxt

---

lúc nào

sonra

---

sau đó

əgər

---

nếu

həqiqətən

---

thật sự

lakin

---

nhưng

çünki

---

bởi vì

yox

---

không

bu

---

này

ki

đó

bütün

---

tất cả

və ya hoặc	və và	bura đây
ora đó	sol trái	sağ phải
indi bây giờ	günortadan sonra buổi chiều	səhər buổi sáng
gecə ban đêm	səhər tezdən buổi sáng	axşam buổi tối

günorta buổi trưa	gecə yarısı nửa đêm	saat 60' giờ
dəqiqə phút	saniyə giây	gün ngày
həftə tuần	ay təqvim tháng	il năm
dünən hôm qua	bu gün hôm nay	sabah ngày mai

bazar ertəsi thứ hai	çərşənbə axşamı thứ ba	çərşənbə thứ tư
cümə axşamı thứ năm	cümə thứ sáu	şənbə thứ bảy
bazar günü chủ nhật	qadın đàn bà	kişi đàn ông
sevgi tình yêu	sevgili bạn trai	rəfiqə bạn gái

dost bạn	öpüş hôn	seks tình dục
uşaq trẻ em	qız ümumi con gái	oğlan con trai
mama mẹ	papa ba	ana má
ata cha	valideynlər cha mẹ	oğul con trai

qız ailə con gái	kiçik bacı em gái	kiçik qardaş em trai
böyük bacı chị gái	böyük qardaş anh trai	ər chồng
arvad vợ	hər mỗi / mọi	həmişə luôn luôn
əslində thực ra	yenə lần nữa	artıq đã

daha az ít hơn	ən çox phần lớn	daha çox nhiều hơn
heç bir không có	çox rất	kənar ở ngoài
içəri ở trong	uzaq xa	yaxın gần
aşağıda bên dưới	yuxarıda bên trên	yanında bên cạnh

ön phía trước	arxa phía sau	hamı mọi người
birlikdə cùng nhau	başqa khác	yaz mùa xuân
yay mùa hè	payız mùa thu	qış mùa đông
yanvar tháng một	fevral tháng hai	mart tháng ba

aprel tháng tư	may tháng năm	iyun tháng sáu
iyul tháng bảy	avqust tháng tám	sentyabr tháng chín
oktyabr tháng mười	noyabr tháng mười một	dekabr tháng mười hai
şimal bắc	şərq đông	cənub nam

qərb tây	tez-tez thường xuyên	dərhal ngay lập tức
qəflətən đột ngột	baxmayaraq mặc dù	

Số

sıfır 0	bir 1	iki 2
üç 3	dörd 4	beş 5
altı 6	yeddi 7	səkkiz 8
doqquz 9	on 10	on bir 11

on iki 12	on üç 13	on dörd 14
on beş 15	on altı 16	on yeddi 17
on səkkiz 18	on doqquz 19	iyirmi 20
iyirmi bir 21	iyirmi iki 22	iyirmi altı 26

otuz 30	otuz bir 31	otuz üç 33
otuz yeddi 37	qırx 40	qırx bir 41
qırx dörd 44	qırx səkkiz 48	əlli 50
əlli bir 51	əlli beş 55	əlli doqquz 59

altmış 60	altmış bir 61	altmış iki 62
altmış altı 66	yetmiş 70	yetmiş bir 71
yetmiş üç 73	yetmiş yeddi 77	səksən 80
səksən bir 81	səksən dörd 84	səksən səkkiz 88

doxsan 90	doxsan bir 91	doxsan beş 95
doxsan doqquz 99	yüz 100	yüz bir 101
yüz beş 105	yüz on 110	yüz əlli bir 151
iki yüz 200	iki yüz iki 202	iki yüz altı 206

iki yüz iyirmi 220	iki yüz altmış iki 262	üç yüz 300
üç yüz üç 303	üç yüz yeddi 307	üç yüz otuz 330
üç yüz yetmiş üç 373	dörd yüz 400	dörd yüz dörd 404
dörd yüz səkkiz 408	dörd yüz qırx 440	dörd yüz səksən dörd 484

beş yüz 500	beş yüz beş 505	beş yüz doqquz 509
beş yüz əlli 550	beş yüz doxsan beş 595	altı yüz 600
altı yüz bir 601	altı yüz altı 606	altı yüz on altı 616
altı yüz altmış 660	yeddi yüz 700	yeddi yüz iki 702

yeddi yüz yeddi 707	yeddi yüz iyirmi yeddi 727	yeddi yüz yetmiş 770
səkkiz yüz 800	səkkiz yüz üç 803	səkkiz yüz səkkiz 808
səkkiz yüz otuz səkkiz 838	səkkiz yüz səksən 880	doqquz yüz 900
doqquz yüz dörd 904	doqquz yüz doqquz 909	doqquz yüz qırx doqquz 949

doqquz yüz doxsan 990	min 1000	min bir 1001
min on iki 1012	min iki yüz otuz dörd 1234	iki min 2000
iki min iki 2002	iki min iyirmi üç 2023	iki min üç yüz qırx beş 2345
üç min 3000	üç min üç 3003	dörd min 4000

dörd min qırx beş 4045	beş min 5000	beş min altı yüz yetmiş səkkiz 5678
altı min 6000	yeddi min 7000	yeddi min səkkiz yüz doxsan 7890
səkkiz min 8000	səkkiz min doqquz yüz bir 8901	doqquz min 9000
doqquz min doxsan 9090	on min 10.000	on min bir 10.001

iyirmi min iyirmi 20.020	otuz min üç yüz 30.300	qırx dörd min 44.000
yüz min 100.000	beş yüz min 500.000	bir milyon 1.000.000
altı milyon 6.000.000	on milyon 10.000.000	yetmiş milyon 70.000.000
yüz milyon 100.000.000	səkkiz yüz milyon 800.000.000	bir milyard 1.000.000.000

doqquz milyard 9.000.000.000	on milyard 10.000.000.000	iyirmi milyard 20.000.000.000
yüz milyard 100.000.000.000	üç yüz milyard 300.000.000.000	bir trilyon 1.000.000.000.000

Động từ

bilmək biết	fikirləşmək nghĩ	gəlmək đến
qoymaq đặt	götürmək lấy	tapmaq tìm
qulaq asmaq nghe	işləmək làm việc	danışmaq nói chuyện
vermək cho	xoşlamaq thích	kömək etmək giúp đỡ

sevmək yêu	zəng etmək gọi	gözləmək chờ đợi
durmaq đứng	oturmaq ngồi	bağlamaq đóng
açmaq qapı mở	itirmək thua	qazanmaq idman thắng
ölmək chết	yaşamaq sống	yandırmaq cihaz bật

söndürmək tắt	öldürmək giết	yaralamaq làm bị thương
toxunmaq chạm	izləmək televizor xem	içmək uống
yemək ăn	yerimək đi bộ	görüşmək gặp
mərcləşmək đặt cược	öpmək hôn	izləmək şəxs đi theo

evlənmək --- cưới	cavab vermək --- trả lời	soruşmaq --- hỏi
çəkmək --- kéo	itələmək --- đẩy	basmaq --- ấn
vurmaq ümumi --- đánh	tutmaq --- bắt	dalaşmaq --- chiến đấu
atmaq --- ném	qaçmaq --- chạy	oxumaq roman --- đọc

yazmaq viết	təmir etmək sửa chữa	saymaq đếm
kəsmək cắt	satmaq bán	almaq mua
ödəmək trả	oxumaq universitet học	xəyal etmək mơ
yatmaq ngủ	oynamaq chơi	qeyd etmək ăn mừng

həzz almaq thưởng thức	təmizləmək dọn dẹp	vurmaq topu, ... bắn
müdafiə etmək bảo vệ	hücum etmək tấn công	oğurlamaq trộm
yandırmaq od đốt	xilas etmək cứu	uçmaq bay
tüpürmək khạc nhổ	təpikləmək đá	dişləmək cắn

nəfəs almaq thở	iyləmək ngửi	ağlamaq khóc
mahnı oxumaq hát	gülümsəmək cười mỉm	gülmək cười
böyümək lớn lên	kiçilmək co lại	mübahisə etmək tranh luận
paylaşmaq chia sẻ	bəsləmək cho ăn	gizlətmək trốn

xəbərdar etmək cảnh báo	üzmək bơi	tullanmaq nhảy
qaldırmaq nâng	qazmaq đào	çatdırmaq giao hàng
axtarmaq tìm kiếm	məşq etmək luyện tập	səyahət etmək đi du lịch
boyamaq vẽ	açmaq qıfıl mở	kilidləmək khóa

yumaq rửa	dua etmək cầu nguyện	bişirmək nấu ăn
qusmaq nôn	qışqırmaq la hét	sitat gətirmək trích dẫn
çap etmək in	hesablamaq tính toán	qazanmaq pul kiếm tiền

Tính từ

yeni mới	köhnə cũ	az ít
çoxlu nhiều	səhv sai	düzgün chính xác
pis ümumi xấu	yaxşı <> pis tốt	xoşbəxt hạnh phúc
qısa ümumi ngắn	uzun ümumi dài	kiçik nhỏ

böyük lớn	gözəl xinh đẹp	cavan trẻ
qoca già	ağ màu trắng	qara màu đen
qırmızı màu đỏ	mavi màu xanh da trời	yaşıl màu xanh lá cây
sarı màu vàng	yavaş chậm	tez nhanh

gülməli vui vẻ	ədalətsiz không công bằng	ədalətli công bằng
çətin khó	asan dễ	zəngin giàu
kasıb nghèo	güclü khỏe	zəif yếu
təhlükəsiz an toàn	yorğun mệt mỏi	qürurlu tự hào

tox no bụng	xəstə sifət bệnh	sağlam khỏe mạnh
qəzəbli tức giận	alçaq thấp	yüksək cao
şirin ərzaq ngọt	turş chua	yumşaq mềm
bərk cứng	şirin şəxs đáng yêu	axmaq ngu ngốc

dəli --- điên khùng	məşğul --- bận rộn	uzun bədən --- cao
qısa bədən --- thấp	narahat --- lo lắng	təəccüblənmiş --- ngạc nhiên
tərbiyəli --- cư xử tốt	pis şəxs --- ác độc	ağıllı --- khéo léo
soyuq --- lạnh	isti --- nóng	narıncı --- màu cam

boz màu xám	qəhvəyi màu nâu	çəhrayı màu hồng
darıxdırıcı nhàm chán	ağır nặng	yüngül nhẹ
tənha cô đơn	ac đói bụng	susuz khát nước
kədərli buồn	dik dốc	yastı bằng phẳng

dar hẹp	geniş rộng	dərin sâu
dayaz nông	nəhəng lớn	çirkli bẩn
təmiz sạch sẽ	dolu ümumi đầy	boş trống rỗng
bahalı đắt	ucuz rẻ	seksual quyến rũ

tənbəl lười biếng	cəsarətli dũng cảm	səxavətli hào phóng
yaş ướt	quru khô	səs-küylü ồn ào
sakit yên tĩnh	günəşli nắng	yağışlı nhiều mưa
dumanlı sương mù	buludlu nhiều mây	

Thể thao

gimnastika thể dục dụng cụ	tennis quần vợt	qaçış chạy
velosiped idmanı đạp xe	qolf đánh golf	futbol bóng đá
basketbol bóng rổ	üzgüçülük bơi lội	dalğıclıq lặn
hayking đi bộ đường dài	marafon chạy marathon	triatlon ba môn phối hợp

stolüstü tennis bóng bàn	ağır atletika cử tạ	boks quyền anh
badminton cầu lông	fiqurlu konkisürmə trượt băng nghệ thuật	snoubord trượt ván tuyết
xizək sürmə trượt tuyết	kross xizək sürmə trượt tuyết băng đồng	buzüstü xokkey khúc côn cầu trên băng
voleybol bóng chuyền	həndbol bóng ném	çimərlik voleybolu bóng chuyền bãi biển

reqbi bóng rugby	kriket bóng gậy	beysbol bóng chày
Amerika futbolu bóng bầu dục Mỹ	su polosu bóng nước	suya tullanma nhảy cầu
sörfinq lướt sóng	yelkənli idmanı đua thuyền buồm	avarçəkmə chèo thuyền
yoqa yoga	rəqs khiêu vũ	paraşütlə tullanma nhảy dù

şahmat cờ vua	poker đánh bài poker	boulinq bowling
balet múa ba lê		

Động vật

donuz con lợn	inək con bò	at con ngựa
it con chó	qoyun con cừu	meymun con khỉ
pişik con mèo	ayı con gấu	toyuq con gà
ördək con vịt	kəpənək con bướm	arı con ong

balıq
heyvan

---

con cá

hörümçək

---

con nhện

ilan

---

con rắn

pələng

---

con hổ

siçan
heyvan

---

con chuột

dovşan

---

con thỏ

şir

---

con sư tử

eşşək

---

con lừa

fil

---

con voi

göyərçin

---

con chim bồ câu

cücü

---

con bọ

ağcaqanad

---

con muỗi

milçək con ruồi	qarışqa con kiến	balina con cá voi
köpək balığı con cá mập	delfin con cá heo	ilbiz con ốc sên
qurbağa con ếch	panda con gấu trúc	qütb ayısı con gấu Bắc cực
canavar con chó sói	koala con gấu túi	kenquru con chuột túi

zürafə con hươu cao cổ	tülkü con cáo	begemot con hà mã
yarasa con dơi	quzğun con quạ	qu quşu con thiên nga
qağayı con chim hải âu	bayquş con cú	pinqvin con chim cánh cụt
tutuquşu con vẹt	tırtıl con sâu bướm	cırcırama con chuồn chuồn

kalmar con mực ống	səkkizayaq con bạch tuộc	dəniz atı con cá ngựa
suiti con hải cẩu	meduza con sứa	yengəc con cua
dinozavr con khủng long	tısbağa ümumi con rùa cạn	timsah con cá sấu

Quốc gia

Avropa Châu Âu	Asiya Châu Á	Amerika Châu Mỹ
Afrika Châu Phi	Birləşmiş Krallıq Vương quốc Anh	İspaniya Tây Ban Nha
İsveçrə Thụy sĩ	İtaliya Ý	Fransa Pháp
Almaniya Đức	Tailand Thái Lan	Sinqapur Singapore

Rusiya Nga	Yaponiya Nhật Bản	İsrail Israel
Hindistan Ấn Độ	Çin Trung Quốc	Amerika Birləşmiş Ştatları Hoa Kỳ
Meksika Mexico	Kanada Canada	Çili Chile
Braziliya Brazil	Argentina Argentina	Cənubi Afrika Nam Phi

Nigeriya Nigeria	Mərakeş Ma Rốc	Liviya Libya
Keniya Kenya	Əlcəzair Algeria	Misir Ai Cập
Yeni Zelandiya New Zealand	Avstraliya Úc	

Cơ thể

baş đầu	burun mũi	saç tóc
ağız miệng	qulaq tai	göz mắt
əl bàn tay	ayaq bàn chân	ürək tim
beyin não	boyun cổ	göt mông

çiyin vai	diz đầu gối	qıç chân
qol bədən tay	qarın bụng	döş ngực
kürək bədən lưng	diş răng	dil lưỡi
dodaq môi	barmaq ngón tay	ayaq barmağı ngón chân

mədə dạ dày	ağciyər phổi	qaraciyər gan
sinir dây thần kinh	böyrək thận	bağırsaq ruột
alın trán	çənə cằm	yanaq má
saqqal râu	baş barmaq ngón cái	çeçələ barmaq ngón tay út

adsız barmaq ngón tay đeo nhẫn	orta barmaq ngón tay giữa	şəhadət barmağı ngón tay trỏ
dırnaq móng tay	daban gót chân	onurğa xương sống
əzələ cơ bắp	sümük bədən xương	skelet bộ xương
qabırğa xương sườn	fəqərə đốt sống	sidik kisəsi bàng quang

vena tĩnh mạch	arteriya động mạch	uşaqlıq yolu âm đạo
sperma tinh trùng	penis dương vật	xaya tinh hoàn

Ngôi nhà

qapı cửa	mətbəx nhà bếp	vanna otağı phòng tắm
oturma otağı phòng khách	yataq otağı phòng ngủ	bağ vườn
qaraj gara	divar tường	zirzəmi tầng hầm
tualet ev nhà vệ sinh	pilləkən cầu thang	dam mái nhà

pəncərə bina cửa sổ	bıçaq dao	fincan tách
stəkan şərab ly	boşqab đĩa	stəkan plastik cốc
zibil qutusu thùng rác	kasa tô	yazı masası bàn
yataq giường	güzgü gương	duş vòi hoa sen

divan ghế sô pha	şəkil ảnh	saat divar đồng hồ
masa bàn	stul ghế	qonşu hàng xóm
lift thang máy	balkon ban công	çardaq gác xép
baca ống khói	taxta qaşıq muỗng gỗ	yemək çubuğu đũa

çəngəl-bıçaq bộ dao nĩa	qaşıq muỗng	çəngəl nĩa
çömçə cái vá	qazan nồi	tava chảo
lampa bóng đèn	kitab rəfi giá sách	pərdə rèm
döşək nệm	yastıq gối	yorğan chăn

rəf kệ	çəkməcə ngăn kéo	qarderob tủ quần áo
vedrə xô	süpürgə chổi	tərəzi cái cân
camaşır səbəti giỏ đựng đồ giặt	vanna bồn tắm	hamam dəsmalı khăn tắm
sabun xà phòng	tualet kağızı giấy vệ sinh	dəsmal khăn tắm

əl-üz yuyan bồn rửa mặt	nərdivan cái thang	poçt qutusu hộp thư
hasar hàng rào		

Thức ăn

yumurta trứng	pendir phô mai	süd sữa
balıq ərzaq cá	ət thịt	sümük ərzaq xương
yağ dầu	çörək bánh mì	şəkər đường
şokolad sô cô la	konfet kẹo	tort bánh bông lan

su nước	qəhvə cà phê	çay içki trà
pivə bia	şərab rượu nho	salat sa lát
şorba súp	desert món tráng miệng	səhər yeməyi bữa ăn sáng
günorta yeməyi bữa trưa	şam yeməyi bữa tối	pizza pizza

dondurma kem	kərə yağı bơ	qatıq sữa chua
tuna cá ngừ	qızılbalıq cá hồi	vetçina giăm bông
bekon thịt ba rọi	kolbasa xúc xích	hind quşu əti thịt gà tây
toyuq əti thịt gà	mal əti thịt bò	donuz əti thịt heo

quzu əti thịt cừu	balqabaq bí ngô	göbələk nấm
trufel göbələyi nấm cục	sarımsaq tỏi	kəvər tỏi tây
zəncəfil gừng	badımcan cà tím	şirin kartof khoai lang
kök tərəvəz cà rốt	xiyar dưa chuột	çili ớt

bibər ớt chuông	soğan củ hành	kartof khoai tây
gülkələm bông cải trắng	kələm bắp cải	brokoli bông cải xanh
kahı xà lách	ispanaq rau chân vịt	bambuk ərzaq tre
qarğıdalı ngô	kərəviz cần tây	noxud đậu Hà Lan

lobya hạt đậu	armud quả lê	alma quả táo
zeytun quả ô liu	əncir quả sung	xurma quả chà là
kokos quả dừa	badam quả hạnh nhân	fındıq hạt phỉ
yerfındığı đậu phộng	banan quả chuối	manqo quả xoài

kivi quả kiwi	avokado quả bơ	ananas quả dứa
qarpız dưa hấu	üzüm quả nho	yemiş dưa gang
moruq quả mâm xôi	qaragilə quả việt quất	çiyələk quả dâu tây
albalı quả anh đào	gavalı quả mận	ərik quả mơ

şaftalı quả đào	limon quả chanh	qreypfrut quả bưởi
portağal quả cam	pomidor cà chua	nanə bạc hà
limon otu sả	darçın quế	vanil vani
duz muối	istiot tiêu	karri cà ri

tütün thuốc lá	tofu đậu hũ	sirkə giấm
ərişтə mì sợi	soya südü sữa đậu nành	un bột mì
düyü gạo	yulaf yến mạch	buğda lúa mì
soya đậu nành	qoz hạt	bal mật ong

mürəbbə mứt	saqqız kẹo cao su	pankek bánh kếp
peçenye bánh quy	pudinq bánh pudding	maffin bánh muffin
ponçik bánh rán vòng	enerji ickisi nước tăng lực	portağal şirəsi nước cam
alma şirəsi nước táo	süd kokteyli sữa lắc	kola coca cola

isti şokolad sô cô la nóng	kokteyl rượu cocktail	rom rượu rum
viski rượu whisky	araq rượu vodka	menyu thực đơn
dəniz məhsulları hải sản	spagetti mì Ý	suşi sushi
popkorn bắp rang bơ	çipsi khoai tây lát mỏng	toyuq qanadları cánh gà

kartof qızartması khoai tây chiên	xardal mù tạt	mayonez sốt mayonnaise
tomat sousu nước sốt cà chua	sendviç bánh mì kẹp	hot-doq bánh mì kẹp xúc xích
burger bánh burger		

Trường học

kitab sách	kitabxana thư viện	ev tapşırığı bài tập về nhà
imtahan bài thi	dərs bài học	elm khoa học
tarix məktəb lịch sử	incəsənət nghệ thuật	qələm cây bút
karandaş bút chì	birinci thứ nhất	ikinci thứ hai

üçüncü	dördüncü	tədqiqat
thứ ba	thứ tư	nghiên cứu
dərəcə	idman meydançası	lüğət
bằng cấp	sân thể thao	từ điển
semestr	qeyd dəftəri	həndəsə
học kì	sổ tay	hình học
siyasət	fəlsəfə	iqtisadiyyat
chính trị học	triết học	kinh tế học

bədən tərbiyəsi giáo dục thể chất	biologiya sinh học	riyaziyyat toán học
coğrafiya địa lý	ədəbiyyat văn học	kimya hóa học
fizika vật lý	xətkeş cái thước	pozan cục tẩy
qayçı cái kéo	yapışqan lent băng dính	yapışqan keo dán

diyircəkli qələm bút bi	dəftərxana sancağı kẹp giấy	üç faiz 3%
yüz faiz 100%	sıfır faiz 0%	kub metr mét khối
kvadrat metr mét vuông	mil dặm	metr mét
millimetr mi-li-mét	santimetr xen-ti-mét	desimetr đề-xi-mét

toplama phép cộng	çıxma phép trừ	vurma phép nhân
bölmə phép chia	sahə diện tích	həcm thể tích
düzbucaqlı hình chữ nhật	kvadrat isim hình vuông	üçbucaq tam giác
dairə hình tròn	litr lít	millilitr mililít

ton tấn	kiloqram kilôgam	qram gram
maqnit nam châm	mikroskop kính hiển vi	qıf cái phễu
laboratoriya phòng thí nghiệm	mühazirə bài giảng	

Thiên nhiên

kül tro	od lửa	almaz kim cương
ay kainat mặt trăng	günəş mặt trời	ulduz ngôi sao
planet hành tinh	sahil dəniz bờ biển	göl hồ
meşə rừng	səhra sa mạc	təpə đồi núi

qaya đá	çay axın con sông	dərə thung lũng
dağ núi	ada đảo	okean đại dương
dəniz biển	buz băng	qar tuyết
fırtına bão táp	yağış mưa	külək gió

ağac cây	ot cỏ	qızılgül hoa hồng
çiçək ümumi hoa	metal kim loại	torpaq đất
lava dung nham	kömür than	qum cát
gil đất sét	raket tên lửa	peyk vệ tinh

qalaktika thiên hà	asteroid tiểu hành tinh	qitə lục địa
ekvator đường Xích đạo	cənub qütbü Nam cực	şimal qütbü Bắc cực
axın suối	yağış meşələri rừng nhiệt đới	mağara hang
şəlalə thác nước	sahil çay bờ biển	buzlaq sông băng

zəlzələ động đất	krater miệng núi lửa	vulkan núi lửa
atmosfer khí quyển	sel lũ lụt	duman sương mù
göy qurşağı cầu vồng	göy gurultusu tiếng sấm	ildırım tia chớp
tufan cơn dông	temperatur nhiệt độ	tayfun bão nhiệt đới

qasırğa bão	bulud mây	budaq cành cây
yarpaq lá cây	kök ağac rễ cây	gövdə thân cây
toxum hạt giống	plastik nhựa	karbon qazı cacbon điôxít
atom nguyên tử	dəmir sắt	oksigen ôxy

qızıl vàng	gümüş bạc	

Giao thông

avtomobil xe hơi	avtobus xe buýt	qatar xe lửa
qatar stansiyası ga xe lửa	avtobus dayanacağı trạm dừng xe buýt	təyyarə máy bay
gəmi tàu	yük maşını xe tải	velosiped xe đạp
motosiklet xe mô tô	taksi xe taxi	işıqfor đèn giao thông

avtomobil dayanacağı bãi đậu xe	yol đường	batareya ắc quy
motor động cơ	hava yastığı túi khí	sükan vô-lăng
təhlükəsizlik kəməri dây an toàn	şin lốp xe	arxa baqaj cốp sau
bilet satışı aparatı máy bán vé	bilet kassası phòng bán vé	metro tàu điện ngầm

sürətli qatar tàu cao tốc	lokomotiv đầu máy	tramvay xe điện
məktəb avtobusu xe buýt trường học	mikroavtobus xe buýt nhỏ	hava limanı sân bay
aviaşirkət hãng hàng không	helikopter máy bay trực thăng	birinci sinif hạng nhất
ekonom sinif hạng phổ thông	biznes sinif hạng thương gia	xilasedici jilet áo phao

konteyner công ten nơ	sualtı qayıq tàu ngầm	kruiz gəmisi tàu du lịch
konteyner gəmisi tàu chở hàng	yaxta du thuyền	bərə phà
liman hải cảng	xilasedici qayıq xuồng cứu sinh	radar ra đa
küçə işığı đèn đường	səki vỉa hè	yanacaq doldurma məntəqəsi trạm xăng

tikinti sahəsi công trường	piyada keçidi vạch qua đường	tıxac tắc đường
avtomagistral đường cao tốc	tank xe tăng	ekskavator máy xúc
traktor máy kéo	qoşqu rơ-moóc	motoroller xe tay ga
kanat yolu xe cáp treo		

Thành phố

xəstəxana bệnh viện	məktəb trường học	ev ümumi nhà ở
faktura hóa đơn	bazar chợ	supermarket siêu thị
mənzil căn hộ	universitet trường đại học	ferma nông trại
kilsə nhà thờ	restoran nhà hàng	bar quán bar

idman zalı phòng thể dục	park công viên	tualet park nhà vệ sinh
xəritə bản đồ	təcili yardım xe cứu thương	polis ümumi cảnh sát
yanğınsöndürənlər lính cứu hỏa	ölkə quốc gia	şəhərətrafı ngoại ô
kənd ngôi làng	zəmanət bảo hành	ticarət mərkəzi trung tâm mua sắm

aptek tiệm thuốc	göydələn tòa nhà chọc trời	qala lâu đài
səfirlik đại sứ quán	sinaqoq giáo đường Do Thái	məbəd ngôi đền
zavod nhà máy	məscid nhà thờ Hồi giáo	şəhər zalı tòa thị chính
poçt şöbəsi bưu điện	fəvvarə đài phun nước	gecə klubu câu lạc bộ đêm

skamya băng ghế	qolf sahəsi sân golf	futbol stadionu sân bóng đá
üzgüçülük hovuzu bina hồ bơi	tennis kortu sân quần vợt	turist məlumatları thông tin du lịch
kazino sòng bạc	rəsm qalereyası phòng triển lãm nghệ thuật	muzey bảo tàng
milli park công viên quốc gia	suvenir quà lưu niệm	akvarium thủy cung

su sürüşkəni trượt nước	əyləncə qatarı tàu lượn siêu tốc	akvapark công viên nước
zoopark vườn bách thú	oyun meydançası sân chơi	təcili çıxış bina cửa thoát hiểm
yanğın həyəcanı chuông báo cháy	yanğın söndürən bình cứu hỏa	polis məntəqəsi đồn cảnh sát
dövlət tiểu bang	bölgə khu vực	paytaxt thủ đô

Bệnh viện

bədbəxt hadisə tai nạn	xəstə isim bệnh nhân	cərrahiyyə phẫu thuật
həb viên thuốc	hərarət sốt	öskürək ho
təcili yardım otağı phòng cấp cứu	reanimasiya şöbəsi khoa hồi sức tích cực	gözləmə otağı phòng chờ
aspirin thuốc aspirin	yuxu dərmanı thuốc ngủ	son istifadə tarixi ngày hết hạn

doza liều lượng	öskürək siropu si-rô ho	yan təsir tác dụng phụ
insulin insulin	toz bột	kapsul viên nhộng
vitamin vitamin	ağrıkəsici thuốc giảm đau	antibiotiklər kháng sinh
bakteriya vi khuẩn	virus vi rút	ürək tutması đau tim

ishal tiêu chảy	diabet tiểu đường	insult đột quỵ
astma hen suyễn	xərçəng ung thư	qrip cúm
diş ağrısı đau răng	günəş yanığı cháy nắng	boğaz ağrısı viêm họng
mədə ağrısı đau bụng	infeksiya nhiễm trùng	allergiya dị ứng

qıcolma chuột rút	baş ağrısı đau đầu	şpris ống tiêm
qoltuqağacı nạng	rentgen şəkli chụp X quang	ultrasəs aparatı máy siêu âm
plastır bó bột	əlil arabası xe lăn	gips bó bột
nəbz mạch	zədə chấn thương	acil durum cấp cứu

sarsıntı chấn động	yanıq vết bỏng	sınıq gãy xương
kontraseptiv həb thuốc tránh thai	hamiləlik testi thử thai	

Nghề nghiệp

həkim bác sĩ	tibb bacısı y tá	polis şəxs cảnh sát
prezident tổng thống	kapitan thuyền trưởng	detektiv thám tử
pilot phi công	professor giáo sư	müəllim giáo viên
hüquqşünas luật sư	katibə thư ký	köməkçi trợ lý

hakim məhkəmə thẩm phán	menecer quản lý	aşpaz đầu bếp
taksi sürücüsü tài xế taxi	avtobus sürücüsü tài xế xe buýt	model người mẫu
rəssam nghệ sĩ	baş nazir thủ tướng	əczaçı dược sĩ
yanğınsöndürən lính cứu hỏa	diş həkimi nha sĩ	sahibkar doanh nhân

siyasətçi chính trị gia	proqramçı lập trình viên	stüardessa tiếp viên hàng không
alim nhà khoa học	bağça müəllimi giáo viên mầm non	memar kiến trúc sư
mühasib kế toán viên	məsləhətçi tư vấn viên	ittihamçı công tố viên
baş menecer tổng quản lý	cangüdən vệ sĩ	kirayə verən chủ nhà

ofisiant bồi bàn	mühafizəçi nhân viên bảo vệ	əsgər bộ đội
balıqçı ngư dân	təmizlik işçisi nhân viên vệ sinh	santexnik thợ sửa ống nước
elektrik iş thợ điện	fermer nông dân	resepşn lễ tân
poçtalyon người đưa thư	kassir thu ngân	bərbər thợ làm tóc

müəllif tác giả	jurnalist nhà báo	fotoqraf nhiếp ảnh gia
xilasedici nhân viên cứu hộ	müğənni ca sĩ	musiqiçi nhạc sĩ
aktyor diễn viên	müxbir phóng viên	məşqçi huấn luyện viên
hakim idman trọng tài		

Kinh doanh

pul tiền	ofis văn phòng	stress áp lực
sığorta bảo hiểm	heyət nhân viên	şöbə bộ phận
maaş lương	ünvan địa chỉ	məktub lá thư
telefon nömrəsi số điện thoại	url url	e-poçt ünvanı địa chỉ email

veb sayt trang mạng	e-poçt thư điện tử	imza chữ ký
zərər thua lỗ	mənfəət lợi nhuận	müştəri khách hàng
məbləğ số tiền	kredit kartı thẻ tín dụng	şifrə mật khẩu
kassa aparatı bank máy rút tiền	vergi thuế	iclas otağı phòng họp

vizit kartı danh thiếp	İT công nghệ thông tin	insan resursları nhân sự
hüquq şöbəsi bộ phận pháp lý	mühasibat uçotu kế toán	marketinq tiếp thị
satış bán hàng	həmkar đồng nghiệp	işəgötürən người sử dụng lao động
işçi nhân viên	qeyd chú thích	təqdimat thuyết trình

qovluq ofis bìa cứng	rezin möhür con dấu cao su	proyektor máy chiếu
bağlama bưu kiện	marka con tem	zərf phong bì
brauzer trình duyệt	investisiya đầu tư	birja sàn giao dịch chứng khoán
banknot tiền giấy	sikkə tiền xu	maraq tiền lãi

borc khoản vay	hesab nömrəsi số tài khoản	bank hesabı tài khoản ngân hàng

Thiết bị

telefon điện thoại	televizor cihaz bộ tivi	kamera máy ảnh
radio đài radio	ventilyator quạt	kondisioner máy điều hòa
qəhvə maşını máy pha cà phê	toster máy nướng bánh mì	tozsoran máy hút bụi
fen máy sấy tóc	çaydan ấm đun nước	qabyuyan maşın máy rửa chén

ocaq bếp điện	soba lò nướng	mikrodalğalı soba lò vi sóng
soyuducu tủ lạnh	paltaryuyan maşın máy giặt	uzaqdan nəzarət điều khiển từ xa
qulaqcıq tai nghe	siçan noutbuk chuột	klaviatura bàn phím
sərt disk ổ cứng	USB disk thanh USB	skaner máy quét

printer máy in	monitor màn hình	noutbuk máy tính xách tay
robot rô bốt	dinamik loa	